



**Working Paper 2023.1.5.13**

**- Vol 1, No 5**

## **KIẾN NGHỊ XÂY DỰNG HÀNH LANG PHÁP LÝ VÀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NHẪM THÚC ĐẨY, PHÁT TRIỂN KHỞI NGHIỆP XÃ HỘI TẠI VIỆT NAM**

**Bùi Vi Hoa<sup>1</sup>, Trần Hồng Giang, Lê Vũ Huy**

Sinh viên K59 Kinh tế đối ngoại – Viện Kinh tế và Kinh doanh quốc tế

*Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam*

**Mai Thị Chúc Hạnh**

Giảng viên Khoa Luật

*Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam*

### **Tóm tắt**

Những năm gần đây, doanh nghiệp xã hội (DNXH) tại Việt Nam đang ngày càng được Nhà nước quan tâm, khuyến khích phát triển bởi DNXH không chỉ tạo ra giá trị kinh tế mà còn là một phương thức giải quyết các vấn đề xã hội một cách bền vững. Luật Doanh nghiệp 2014 đã xây dựng cơ bản hành lang pháp lý về DNXH tại Việt Nam và sau khi luật Doanh nghiệp 2020 được ban hành đã làm rõ thêm một số vấn đề về DNXH. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại nhiều bất cập như: chúng ta vẫn chưa có một chế định pháp luật riêng biệt về DNXH mà chỉ đang dừng lại ở việc làm rõ thêm một số vấn đề; các chế độ, chính sách ưu đãi cho DNXH (ví dụ: chính sách về thuế, vốn đầu tư, đất đai,...) vẫn thuộc về những ưu đãi, chính sách chung và dù đã có quy định ưu tiên nhưng những quy định đó không phải đặc thù. Những bất cập đó dẫn đến một thực trạng là mặc dù thực tế Việt Nam có hơn 1000 doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức DNXH (theo thống kê của Hội đồng Anh vào năm 2016) nhưng đến năm 2020, số DNXH thực sự được công nhận chỉ có hơn 200 doanh nghiệp. Chính vì vậy, nhóm chúng tôi quyết định thực hiện đề tài này nhằm kiến nghị một số biện pháp để giải quyết những mặt hạn chế nhằm thúc đẩy phát triển khởi nghiệp xã hội ở Việt Nam trong tương lai.

**Từ khóa:** Doanh nghiệp xã hội, Hành lang pháp lý, Khởi nghiệp xã hội

### **RECOMMENDATIONS FOR BUILDING LEGAL CORRIDOR AND SUPPORT POLICIES TO PROMOTE AND DEVELOP SOCIAL ENTERPRISES IN VIETNAM**

<sup>1</sup> Tác giả liên hệ, Email: gianghobkx@gmail.com

## Abstract

In recent years, social enterprises in Vietnam are increasingly interested and encouraged by the State to develop because they not only create economic value but also are a mode of solving social problems in a sustainable way. The Enterprise Law 2014 has basically built the legal framework for social enterprises in Vietnam and after the Enterprise Law 2020 was promulgated, it has clarified more issues about them. However, there are still many shortcomings as the Enterprise Law 2020 has only elucidated some questions but has not yet been regulated into a separate legal institution on this kind of enterprises. Additionally, incentive regimes and policies for these enterprises are still general preferences and policies; and although there are priority provisions, they are unspecific (for instance, policies on tax and land, incentives on investment, etc.). These inadequacies lead to the fact that even though Vietnam has more than 1,000 businesses operating in the manner of social enterprises according to the British Council's statistics in 2016, there are merely more than 200 social enterprises actually recognized in Vietnam by 2020. Therefore, our group decided to carry out this topic to propose some solutions to remove limitations in order to promote the development of social entrepreneurship in Vietnam in the future.

**Key words:** Social enterprise, legal corridor, social entrepreneurship

---

## 1. Khái quát về doanh nghiệp xã hội và khởi nghiệp doanh nghiệp xã hội

### 1.1. *Khái niệm và đặc điểm doanh nghiệp xã hội*

DNXH đã trải qua một quá trình hình thành và phát triển từ rất lâu đời. Theo nghiên cứu của McDonald M. & Howarth C. (2008), mô hình DNXH đầu tiên xuất hiện tại London vào năm 1665. Tuy nhiên, DNXH chỉ phát triển mạnh mẽ và trở thành một phong trào rộng lớn trên thế giới như hiện nay kể từ đầu những năm 1980, khi vai trò của nhà nước được đổi mới theo hướng tinh giản, nhỏ gọn, mô hình nhà nước phúc lợi trước đây sẽ chia sẻ một phần chức năng của mình với khu vực thứ ba bao gồm các tổ chức đứng giữa khu vực công và các doanh nghiệp tư nhân. (Nguyễn, 2012)

Cũng trong quá trình đó, sự thừa nhận của các nước Châu Âu đối với khu vực thứ ba ngày càng tăng, các động lực kinh doanh phi truyền thống giải quyết được những thách thức hiện tại, đã dẫn đến sự xuất hiện của khái niệm về doanh nghiệp xã hội. Tại Mỹ, định nghĩa này nhận được phản ứng tích cực vào đầu những năm 1990. Năm 1993, đại học Harvard đưa ra “Sáng kiến doanh nghiệp xã hội” đánh dấu quan trọng trong thời kỳ này. Kể từ đó, các trường đại học lớn khác như Columbia, Stanford và Yale đã thiết lập các chương trình đào tạo và hỗ trợ cho các doanh nghiệp xã hội. (Jacques & Marthe, 2006)

Tuy nhiên, doanh nghiệp xã hội vẫn là một khái niệm rất rộng và khá mơ hồ, chủ yếu đề cập đến các hoạt động kinh tế thị trường phục vụ mục tiêu xã hội. Doanh nghiệp xã hội sau đó được coi là một phản ứng sáng tạo đối với vấn đề khó khăn trong việc xin tài trợ tư nhân hay tài trợ từ chính phủ, theo Dees (1998). Định nghĩa về doanh nghiệp xã hội cũng đã được đề cập rất nhiều trong các văn bản như văn bản của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế OECD năm 2007, Chiến lược phát triển DNXH năm 2002 của Anh, hay trong cuốn sách “Sự xuất hiện của doanh nghiệp xã hội” của Borzaga và Defourny năm 2001. Nhìn chung doanh nghiệp xã hội có thể dễ hiểu thông qua định nghĩa của Mạng lưới nghiên cứu Châu Âu EMES như sau: Doanh

ngiệp xã hội là cơ quan hoạt động với mục đích rõ ràng là mang lại lợi ích cho cộng đồng, trong đó lợi ích của nhà đầu tư bị giới hạn. Doanh nghiệp xã hội cũng đánh giá cao tính tự chủ của mình và tính chấp nhận rủi ro kinh tế liên quan đến hoạt động kinh tế xã hội đang diễn ra.

Mỗi quốc gia khác nhau sẽ có các cách định nghĩa về DNXH khác nhau, tùy thuộc trình độ phát triển của mỗi nước, cũng như đặc thù và ưu tiên của từng tổ chức. Nhưng nhìn chung, DNXH đều có những đặc điểm nổi bật sau đây:

**Thứ nhất, DNXH có mục tiêu hoạt động nhằm giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng.** Khác với trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp CSR, các DNXH không hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận, doanh nghiệp xã hội giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường và cộng đồng như bảo vệ môi trường, cung cấp việc làm cho người lao động, cung cấp các dịch vụ y tế, giáo dục, cung cấp nước sạch, xử lý rác thải, ô nhiễm... Đây cũng là mục tiêu được đặt ra ngay từ khi thành lập DNXH, là yếu tố thúc đẩy các nhà khởi nghiệp lựa chọn khởi nghiệp xã hội hay việc các doanh nghiệp chuyển đổi sang doanh nghiệp xã hội.

**Thứ hai, DNXH hoạt động kinh doanh cạnh tranh công bằng, tái phân phối lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh.** DNXH phải là người trực tiếp cung cấp các sản phẩm hàng hóa dịch vụ với chất lượng tốt ở mức giá cạnh tranh so với thị trường (Nguyễn, 2012). Hơn nữa, DNXH còn phải trực tiếp cạnh tranh với các doanh nghiệp truyền thống trong cùng một lĩnh vực. Việc cạnh tranh bình đẳng và công bằng, tuy là một thách thức lớn đối với các DNXH bởi nguồn lực về tài chính và nhân lực của họ còn có hạn trong khi thị trường cạnh tranh giữa các doanh nghiệp rất phức tạp. Bên cạnh đó, một trong những yêu cầu của mô hình DNXH chính là DNXH phải thực hiện hoạt động phân phối lợi nhuận của mình khác với các doanh nghiệp thông thường, họ phải trích một phần lợi nhuận đủ lớn từ hoạt động kinh doanh của mình theo quy định để tái đầu tư vào doanh nghiệp nhằm tiếp tục giải quyết vấn đề xã hội mà họ đã và đang theo đuổi

## ***1.2. Quan niệm về khởi nghiệp doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam***

Khởi nghiệp xã hội là một khái niệm vẫn còn khá mới mẻ ở Việt Nam, tuy nhiên trong những năm gần đây, khái niệm này đã trở thành một xu hướng được rất nhiều người quan tâm kể cả đối với các bạn trẻ. Nhìn chung, khởi nghiệp xã hội là hoạt động khởi nghiệp đặc biệt, hướng tới giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường, bằng cách tạo ra những ý tưởng mới, sáng tạo, mang tính bền vững rồi đưa những ý tưởng đó vào trong kinh doanh. Ngày nay, khởi nghiệp xã hội thu hút một lượng đông đảo giới trẻ tham gia, không chỉ vậy, các tập đoàn, doanh nghiệp lớn cũng đang xem xét để phát triển mô hình này.

Thông qua khái niệm và những đặc điểm của DNXH có thể nhận thấy DNXH là mô hình mang tính tối ưu khi nó đem lại lợi nhuận cho doanh nghiệp, cung cấp việc làm cho người lao động, không những vậy nó còn tạo ra tác động tích cực tới môi trường và cộng đồng. Theo thống kê của VJST năm 2020, DNXH đem lại cơ hội làm việc trong nhiều lĩnh vực khác nhau, chiếm tỉ trọng lớn như trong Nông nghiệp lên tới 35%, điều này là dễ hiểu vì lĩnh vực nông nghiệp luôn cần đến những giải pháp sáng tạo theo định hướng bền vững. Các lĩnh vực khác có thể kể đến như y tế (9%), giáo dục (9%) và môi trường (7%), đây đều là các lĩnh vực phù hợp với sự phát triển của các DNXH. Không chỉ tạo ra việc làm, các DNXH đang thực hiện chức năng phúc lợi đã được chuyển giao khi mà bên cạnh các mục tiêu về môi trường và phát

triển bền vững, DNXH cũng hướng tới giúp đỡ những người yếu thế trong xã hội, những người có hoàn cảnh khó khăn.

Từ trước đến nay, Việt Nam là một trong những nền kinh tế đứng đầu khu vực Đông Nam Á và được đánh giá là một quốc gia năng động không chỉ trong khu vực. Với sự phát triển của khoa học công nghệ, đi kèm với bối cảnh toàn cầu hoá, những thách thức xã hội cũng vì thế trở thành vấn đề cần được giải quyết khi mà bài toán kinh tế và bài toán xã hội luôn xuất hiện cùng nhau. Khởi nghiệp DNXH chính là hướng đi hữu hiệu trong việc giải quyết đồng thời hai bài toán này khi mà loại hình này không chỉ đem lại nguồn lợi về kinh tế mà còn giải quyết những vấn đề đã tồn tại trong xã hội từ rất lâu. Việt Nam đã có rất nhiều chính sách quan tâm về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nói chung, tuy nhiên vẫn thiếu các chính sách tập trung cụ thể đối với doanh nghiệp xã hội đặc biệt là trong việc xây dựng hành lang pháp lý hoàn thiện nhằm thúc đẩy khởi nghiệp DNXH và sự phát triển DNXH tại Việt Nam.

### ***1.3. Các loại hình doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam***

Có một số cách để phân loại mô hình DNXH tại Việt Nam, tùy thuộc vào tình trạng pháp lý của doanh nghiệp hay sự hình thành, phát triển DNXH qua các thời kỳ. Ngoài ra, DNXH cũng hoạt động đa dạng trên các lĩnh vực khác nhau trong đời sống kinh tế - xã hội tùy thuộc vào mục đích hoạt động của doanh nghiệp. Tuy nhiên, tại phần này, nhóm tác giả sẽ phân loại các DNXH dựa trên tình trạng pháp lý cụ thể là 3 loại chính như sau:

**Thứ nhất đó là DNXH phi lợi nhuận**, các DNXH phi lợi nhuận thường hoạt động dưới các hình thức như: Trung tâm, hội, quỹ, câu lạc bộ, tổ/nhóm. DNXH mô hình này tìm kiếm những giải pháp mới nhằm hỗ trợ cộng đồng, giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường. Hầu hết các DNXH phi lợi nhuận được phát triển lên từ nền tảng các tổ chức phi lợi nhuận (NGO), bên cạnh đó cũng có một số xác định được mô hình ngay từ khi thành lập. Do vậy, tuy rất giống với các tổ chức NGO truyền thống, nhưng điểm khác biệt ở các DNXH phi lợi nhuận là khả năng đưa ra được những giải pháp mới và sáng tạo để giải quyết các vấn đề mà cả xã hội đang quan tâm nên có thể thu hút vốn đầu tư của những cá nhân và tổ chức đầu tư vì tác động xã hội.

**Thứ hai đó là DNXH không vì lợi nhuận**, mô hình này được ưa chuộng trên thế giới và được lựa chọn làm mô hình để phát triển bởi lẽ, ưu thế rõ nét nhất của mô hình này là sự kết hợp giữa mục tiêu xã hội với giải pháp kinh doanh chủ yếu dựa trên nguồn lực tự có. Đối với loại hình doanh nghiệp này, đa phần sẽ do các doanh nhân xã hội thành lập và sẽ công bố sứ mệnh xã hội rõ ràng. Mục tiêu ban đầu đề ra doanh nghiệp xác định rõ sự kết hợp bền vững giữa hiệu quả kinh tế và lợi ích xã hội, hiệu quả kinh tế là phương tiện cần thiết để đạt được phát triển xã hội bằng cách sử dụng lợi nhuận thu được để tái đầu tư và mở rộng tác động xã hội của doanh nghiệp.

Công ty TNHH và Công ty cổ phần thường được các doanh nghiệp xã hội không vì lợi nhuận lựa chọn làm hình thức đăng ký hoạt động, nguyên nhân chủ yếu là các doanh nghiệp này muốn sử dụng ý tưởng sáng tạo của mình, tạo ra giá trị từ những hàng hoá dịch vụ mà họ cung cấp chứ không phải là hoạt động nhận tài trợ, từ thiện từ cộng đồng. Bên cạnh đó, việc hoạt động như một công ty giúp các doanh nghiệp tiếp cận những nhà đầu tư có cùng mục tiêu, tạo ra các hoạt động kinh doanh đa dạng hơn một tổ chức từ thiện đơn thuần.

**Thứ ba đó là DNXH có định hướng xã hội, có lợi nhuận**, đây là mô hình doanh nghiệp theo đuổi cả hai mục tiêu: giá trị lợi nhuận và lợi ích xã hội. Các doanh nhân xây dựng mô hình này đưa ra những giải pháp nhằm vừa thu được lợi nhuận vừa mang lại những tác động tích cực về mặt xã hội hoặc môi trường. Mô hình này đặc biệt phổ biến trong lĩnh vực tài chính vì mô có thể kể đến như Grameen Bank và BRAC ở Bangla-desh. Ở Việt Nam, chúng ta cũng có hàng ngàn tổ chức tài chính vi mô cơ sở mà điển hình nhất là các Quỹ TYM (Trung ương hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam) và CEP (Liên đoàn Lao động TP HCM). Ngoài ra, mô hình này cũng được sử dụng ở những lĩnh vực như nông nghiệp, giáo dục, y tế với các công ty đã có những thành công như Công ty phân bón Bảo Lâm, nhà máy tinh bột sắn Hương Hóa, HELP Corporation, Quỹ CEP,...

#### ***1.4. Vai trò của khởi nghiệp doanh nghiệp xã hội trong nền kinh tế thị trường***

Qua hơn 30 năm chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp sang kinh tế thị trường, đã diễn ra quá trình thay đổi to lớn trong việc phát triển doanh nghiệp ở Việt Nam. Cùng với sự hình thành và phát triển chung của thế giới, các doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam cũng đã ra đời và phát triển khá sớm, từ trước khi có những quy định pháp luật cụ thể về loại hình doanh nghiệp này. Trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay, Việt Nam là quốc gia có những điều kiện thuận lợi để phát triển loại hình doanh nghiệp này. Có được điều kiện đó là vì trong quá trình xây dựng những giá trị của xã hội xã hội chủ nghĩa, ngoài mục tiêu phát triển kinh tế, Đảng và Nhà nước Việt Nam chú trọng nhiều vào việc giải quyết các vấn đề xã hội; và với định hướng đó, doanh nghiệp xã hội sẽ có cơ hội để phát triển. Qua đây cũng nhấn mạnh vai trò của khởi nghiệp xã hội đối với sự phát triển của nền kinh tế

Thứ nhất là hiệu quả kinh tế - xã hội. Kể từ năm 2008, khi khái niệm về DNXH còn chưa phổ biến cho đến những năm gần đây, DNXH đã góp phần phát triển nền kinh tế. Không chỉ tập trung hoàn toàn vào sự phát triển của cộng đồng, có nhiều DNXH đem lại nguồn lợi kinh tế tối ưu khi các doanh nghiệp này luôn đem đến những ý tưởng sáng tạo, giải quyết các vấn đề cấp thiết của xã hội. Ngoài ra, DNXH còn giải quyết về vấn đề việc làm, thu nhập cho người lao động ở tầng đáy của xã hội khi mà theo thống kê của Trung tâm Hỗ trợ sáng kiến phục vụ cộng đồng (CSIP), trong 10 năm kể từ năm 2008, CSIP đã hỗ trợ gần 200 doanh nghiệp và doanh nhân xã hội. Điều này đã tạo ra việc làm cho hơn 100.000 người và cải thiện đời sống của hơn 600.000 người yếu thế như phụ nữ, trẻ em, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật.

Thứ hai là cơ chế thị trường. DNXH đang dần phát triển và có hệ sinh thái riêng. Sự phát triển của các DNXH trước đặt ra thách thức cho các DNXH sau phải có những ý tưởng sáng tạo, sự đổi mới. Không chỉ đối với các DNXH nói riêng đây cũng là động lực để các loại hình doanh nghiệp khác phải thay đổi khi mà yếu tố phát triển bền vững, yếu tố xã hội đang là xu hướng của toàn bộ nền kinh tế.

## **2. Các quy định pháp luật về khởi nghiệp DNXH tại Việt Nam và một số quốc gia**

### ***2.1. Điều kiện thành lập doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam***

#### **Điều kiện về chủ thể thành lập doanh nghiệp**

Theo quy định hiện hành của Việt Nam, cá nhân thành lập doanh nghiệp xã hội cũng cần phải đảm bảo các điều kiện như thành lập doanh nghiệp thông thường. Tổ chức, cá nhân thành lập doanh nghiệp cần phải có tư cách pháp nhân, cá nhân từ đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Ngoài ra, các tổ chức, cá nhân theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 luật doanh nghiệp 2020 không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp.

### **Điều kiện về vốn điều lệ**

Về đăng ký mức vốn, doanh nghiệp phải điều chỉnh mức vốn phù hợp với khả năng tài chính của mình tùy theo ngành và quy mô kinh doanh. Đầu tiên, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp phải cam kết góp vốn đủ và đúng loại tài sản đã đăng ký và thực hiện thủ tục hành chính để chuyển quyền sở hữu tài sản. Trong trường hợp không hoàn thành đủ số vốn thực góp theo thời gian quy định, doanh nghiệp phải tiến hành thủ tục giảm vốn điều lệ.

### **Điều kiện về ngành nghề kinh doanh**

Cũng giống như quy định cho doanh nghiệp thông thường, DNXH được quyền đăng ký kinh doanh những ngành, nghề mà pháp luật không cấm, nhưng các ngành nghề đó phải nằm trong hệ thống mã ngành kinh tế Việt Nam. Đối với những ngành, nghề có điều kiện thì doanh nghiệp phải đảm bảo đáp ứng được điều kiện của từng ngành nghề theo quy định của pháp luật.

### **Điều kiện về tên của doanh nghiệp xã hội**

Tên của doanh nghiệp phải đảm bảo hai thành tố: loại hình doanh nghiệp và tên riêng (theo Điều 37 Luật doanh nghiệp 2020). Ngoài ra, so với doanh nghiệp thông thường DNXH có thể bổ sung cụm từ “xã hội” vào tên riêng doanh nghiệp và tên phải được gắn với trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện,... đồng thời phải được in hoặc viết trên văn bản tài liệu do doanh nghiệp phát hành.

### **Điều kiện về trụ sở chính**

Về Trụ sở chính của doanh nghiệp, phải nằm trên lãnh thổ Việt Nam được xác định theo địa giới đơn vị hành chính và không đặt trụ sở là căn hộ chung cư hoặc nhà tập thể.

## **2.2. *Đánh giá so với quy định khởi nghiệp DNXH tại các nước điển hình trên thế giới***

Theo một báo cáo của Global Social Entrepreneurship Network - Mạng lưới Khởi nghiệp xã hội toàn cầu, Mỹ, Canada, Anh, Singapore và Israel là những nước thành công trong việc kết hợp giải quyết các vấn đề xã hội gắn liền với mô hình kinh doanh của doanh nghiệp. Sự phát triển của DNXH tại các quốc gia này được đóng góp rất nhiều thông qua việc hành lang pháp lý được xây dựng hoàn chỉnh và đây cũng là những ví dụ điển hình Việt Nam có thể học tập theo.

Nhiều quốc gia đang thử nghiệm các cấu trúc pháp lý mới có thể đáp ứng tốt hơn các liên doanh xã hội. Đối với Vương quốc Anh, về các loại hình DNXH, ngoài các loại hình DN chúng ta hay thấy ở Việt Nam, Anh đã hình thành, đưa ra các loại DNXH khác, không chỉ vậy các loại hình DN thông thường cũng có thể được coi là DNXH và các loại hình DN đều có các điều luật cụ thể điều chỉnh. Cấu trúc Công ty vì lợi ích cộng đồng (CIC) được thành lập vào năm 2005 như một loại hình kinh doanh trách nhiệm hữu hạn có thể hoạt động vì mục đích thương

mại hơn là tổ chức từ thiện. Mục đích là cho phép các tổ chức sử dụng tài sản và lợi nhuận của họ vì lợi ích của cộng đồng và giúp tạo ra một thương hiệu nổi tiếng cho các doanh nghiệp xã hội. Mặc dù các CIC có thể hoạt động “thương mại” hơn các tổ chức từ thiện, họ phải vượt qua “bài kiểm tra về lợi ích cộng đồng”, tuân thủ các hạn chế “khóa tài sản” nhất định và phải tiết lộ các hoạt động của họ hàng năm. Tiếp theo đó là công nghiệp và nhà cung cấp xã hội (IPSS) hay Hợp danh trách nhiệm hữu hạn (LLP) cung cấp một mô hình linh hoạt cho các doanh nghiệp xã hội, LLPs có nhiều quyền tự do hơn so với các công ty để sắp xếp công việc của họ theo ý muốn - ví dụ như cách đưa ra quyết định và cách phân chia lợi nhuận cho các thành viên.

Đối với Canada, Luật pháp của Canada hiện không cung cấp một lựa chọn đơn giản cho các doanh nhân xã hội. Các lựa chọn có sẵn là tổ chức từ thiện hoặc công ty hợp tác vì lợi nhuận, phi lợi nhuận, đã đăng ký. Ngoài ra, chứng nhận B cho các tập đoàn “có lợi” đã được thực hiện ở Hoa Kỳ và hiện đang mở rộng sang Canada. Nó giúp các tập đoàn “xác định mình với người tiêu dùng và nhà đầu tư là những doanh nghiệp có trách nhiệm với xã hội và môi trường”. Để trở thành một tập đoàn B, một doanh nghiệp, bao gồm cả các hợp tác xã, phải đạt được một điểm ngưỡng nhất định trên Hệ thống xếp hạng B.

Doanh nghiệp xã hội ở Singapore có nhiều hình thức pháp lý khác nhau. Hầu hết các doanh nghiệp xã hội chọn đăng ký thành công ty TNHH tư nhân. Các hình thức đăng ký phổ biến khác là hợp danh trách nhiệm hữu hạn và tư nhân sở hữu duy nhất. Một tỷ lệ nhỏ các doanh nghiệp xã hội đăng ký dưới dạng công ty hợp danh hữu hạn hoặc một hợp tác xã.

### **3. Thực trạng pháp lý khi khởi nghiệp doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam**

#### **3.1. Tính an toàn**

Quay trở lại thời điểm năm 2014 tại Việt Nam, Doanh nghiệp xã hội được luật hoá lần đầu tiên trong Luật Doanh nghiệp 2014. Đây cũng là dấu ấn đầu tiên khẳng định địa vị pháp lý của Doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam. Cụ thể hơn, quy định theo Điều 10 của bộ Luật, định nghĩa Doanh nghiệp xã hội được quy định là doanh nghiệp được đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam; Theo đó, mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp cần hướng tới tìm kiếm giải pháp giải quyết các vấn đề của xã hội, môi trường vì lợi ích chung cộng đồng; Bên cạnh đó, doanh nghiệp phải cam kết sử dụng ít nhất 52% tổng lợi nhuận hằng năm thu được phục vụ tái đầu tư, giúp thực hiện hoá các mục tiêu xã hội, môi trường như ban đầu đã đăng ký. May mắn thay ở hiện tại, dù rằng Luật Doanh nghiệp năm 2020 (Luật số 59/2020/QH14 được ban hành bởi Quốc Hội vào tháng 6/2020) với nhiều bổ sung thay đổi cập nhật đã có hiệu lực, song những vấn đề tiêu chí vì lợi ích chung cộng đồng đối với Doanh nghiệp xã hội vẫn không hề thay đổi, được giữ nguyên vẹn theo những mục tiêu được chỉ định trong Luật Doanh nghiệp 2014.

Bên cạnh văn bản pháp luật như Luật Doanh nghiệp (Corporate law), khuôn pháp lý điều chỉnh Doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam còn bao hàm các văn bản Luật sau đây:

– Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Chính phủ ban hành Nghị định số 47/2021/NĐ-CP do ngày 01/4/2021, quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.

– Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Chính phủ ban hành Nghị định số 01/2021/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 04/01/2021, quy định về đăng ký doanh nghiệp.

– Theo đề nghị của Viện trưởng Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương; Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016 quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội theo Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định một số Điều của Luật Doanh nghiệp.

Các văn bản được nêu trên tập chung điều chỉnh các nội dung chính như sau:

(1) Những quy định về đặc trưng pháp lý của Doanh nghiệp xã hội phân biệt với các doanh nghiệp khác.

(2) Những quy định về thành lập, tổ chức, chấm dứt hoạt động của Doanh nghiệp xã hội.

(3) Những quy định về quyền và nghĩa vụ của Doanh nghiệp xã hội.

(4) Những quy định về thủ tục hành chính của Doanh nghiệp xã hội.

Tổng quan, hệ thống quy định pháp lý đối với Doanh nghiệp xã hội hiện đã được điều chỉnh ở mức độ cơ bản và đang dần được hoàn thiện hơn mỗi ngày. Tiếp đó, bên ngoài những quy định riêng duy trì thiết lập Doanh nghiệp xã hội, lõi cốt nhìn chung là một doanh nghiệp, Doanh nghiệp xã hội vẫn cần chịu sự kiểm soát theo pháp luật hệ quy chiếu doanh nghiệp và pháp luật liên quan như những doanh nghiệp truyền thống khác.

### **3.2. Tính rủi ro và mặt hạn chế**

Thuật ngữ Doanh nghiệp xã hội nhìn chung vẫn còn là một lĩnh vực mới mẻ ở Việt Nam, vì vậy, dẫn tới một loạt những trở ngại, bất cập mà các Doanh nghiệp xã hội Việt Nam đang phải đương đầu. Tiếp theo, đề mục sẽ phân tích một số vấn đề hạn chế căn bản xuất phát từ chủ quan lẫn từ khách quan mà các Doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam hiện nay gặp phải như sau.

#### **Khó khăn trong việc thành lập Doanh nghiệp xã hội**

Trước hết, khung khổ hành lang pháp lý đối với loại hình tổ chức xã hội tại Việt Nam cũng chưa hoàn chỉnh và tồn tại những điều khoản mâu thuẫn tạo ra nhiều trở ngại đối với một cá nhân hay một doanh nghiệp mong muốn thành lập một tổ chức xã hội ở Việt Nam. Có những loại hình tổ chức xã hội khác nhau với tên gọi khác nhau và được nhiều đơn vị quản lý cấp giấy phép khác nhau. Thành lập một tổ chức xã hội thường có trình tự khá phức tạp trong thủ tục và quy định về hội đồng sáng lập, hội đồng điều hành, các hoạt động, yêu cầu trách nhiệm của người điều hành, phạm vi hoạt động. .. do đó không phải tổ chức mới thành lập nào cũng dễ dàng thực hiện, đặc biệt đối với những sáng kiến xã hội đòi hỏi được "ươm tạo" hết sức linh hoạt, tinh gọn nhưng hữu hiệu.

Việc đăng ký một công ty với tư cách pháp nhân tương đối đơn giản, nhưng lại đặt ra câu hỏi là các doanh nghiệp xã hội phải liên kết với nhau như thế nào và phục vụ lợi ích của các nhà đầu tư khác nhau tham gia vào các doanh nghiệp xã hội với các mục tiêu khác nhau. Trên thực tế, nhiều Doanh nghiệp xã hội gặp phải trường hợp cổ đông không đồng ý tái đầu tư lợi nhuận cho hoạt động xã hội và phát triển tổ chức. Trong giai đoạn đầu thành lập doanh nghiệp, Doanh nghiệp xã hội thường phải vay mượn gia đình và bạn bè do thiếu vốn. Họ có thể là những nhà đầu tư “tinh ý”, nhưng phần lớn họ chưa hiểu sâu về mô hình Doanh nghiệp xã hội, khiến họ khó gắn kết với sứ mệnh xã hội lâu dài của mình. Nói cách khác, về bản chất họ vẫn

là nhà đầu tư truyền thống chứ không phải nhà đầu tư xã hội nên nguy cơ lệch lạc về Doanh nghiệp xã hội giai đoạn sau là rất cao.

Một số Doanh nghiệp xã hội có thể lựa chọn mô hình tổ chức hỗn hợp, điều đó tương đương kết hợp giữa mô hình Phi chính phủ (NGO) và mô hình doanh nghiệp, đồng thời tối ưu hóa ưu điểm và lợi ích của từng mô hình tổ chức. Mặc dù vậy, doanh nghiệp xã hội không thể được đăng ký dưới dạng mô hình tổ chức hỗn hợp vì không có quy tắc sở hữu và quản lý rõ ràng giữa hai mô hình. Thực tế hiện nay, Chính phủ chưa có quy định cụ thể về việc Tổ chức Phi chính phủ (NGO) có được sở hữu doanh nghiệp sinh lãi hay không. Thay vì vậy, hai tổ chức trên thường phải đăng ký thành hai đơn vị riêng và hoạt động song song. Một là tập đoàn tham gia vào các hoạt động kinh doanh và một là tổ chức phi chính phủ tham gia vào các hoạt động xã hội được quản lý bởi hai khu vực pháp lý. Trong một số trường hợp, chỉ có các tập đoàn có tư cách pháp nhân chính thức và các hoạt động xã hội là không chính thức. Hình thành một tổ chức hỗn hợp đặc biệt khó khăn đối với những người trẻ tuổi thiếu nguồn lực và uy tín. Một trong những vấn đề là khu vực doanh nghiệp của một tổ chức doanh nghiệp xã hội vẫn phải chịu thuế như một doanh nghiệp thông thường ngay cả khi lợi nhuận được phân bổ đầy đủ cho khu vực xã hội của cùng một tổ chức. Rõ ràng đây là vấn đề còn nhiều tranh cãi, nhưng rất cần một giải pháp minh bạch và thấu đáo cho Doanh nghiệp xã hội.

### **Khó khăn trong vận hành phát triển Doanh nghiệp xã hội**

Không thể chối cãi sự thật rằng, tồn tại nhiều Doanh nghiệp xã hội gặp nhiều vướng mắc và bất cập khi phải hoạt động trong môi trường với khuôn khổ pháp luật chưa hoàn thiện như Việt Nam. Các Doanh nghiệp xã hội gặp rất nhiều khó khăn khi thực thi mô hình kết hợp giữa yêu cầu mục tiêu đáp ứng chuẩn mực xã hội và duy trì hoạt động kinh tế, điều này xuất hiện rõ nhất khi đề cập tới các vấn đề tài chính ví dụ như quy định về việc nhận tài trợ, viện trợ hợp pháp và hướng dẫn, quy tắc về quản lý tài chính và thuế, tiếp cận ưu đãi và quy tắc về kiểm soát của chính phủ đối với sự khác biệt trong các vấn đề cụ thể trong xã hội. Do Doanh nghiệp xã hội hoạt động tương đương như các tổ chức Phi chính phủ (NGO), vì vậy, không thể tránh khỏi việc gặp trục trặc trong việc thiết lập cơ chế báo cáo và quản trị tài chính nội bộ, nhiều tổ chức hoặc không biết hoặc không hiểu rõ cơ quan có trách nhiệm hoặc không có hướng dẫn rõ ràng và nhất quán dẫn đến những chế tài đáng tiếc liên quan như bị xử phạt hành chính do nộp thiếu thuế. Quản lý tài chính của các tổ chức phi chính phủ phức tạp hơn khi các tổ chức này nhận được tài trợ và hỗ trợ phi chính phủ từ các nhà tài trợ quốc tế khác nhau.

Bên cạnh đó, vấn đề quản lý tài chính của các tổ chức NGO thậm chí phức tạp hơn nữa nếu nhóm tổ chức này tiếp nhận các nguồn tài trợ và viện trợ lớn từ một số nhà tài trợ nước ngoài. Ngoài vấn đề liên quan chế độ thu nhận viện trợ như đề cập trên, nhiều DNXH cũng gặp thách thức khi đồng thời đáp ứng song hành chính sách tài chính, kế toán và hệ thống tài chính của cả phía nhà tài trợ và yêu cầu chỉ đạo của nhà nước Việt Nam. Hai hệ thống quy định trên có thể có những nội dung khác biệt, thậm chí lẫn lộn dẫn tới tình trạng cần tập trung tối đa nguồn lực phục vụ hoạt động tài chính kế toán song cũng khó tránh khỏi các sai sót.

### **Thiếu một hệ thống tiêu chuẩn, quy định linh hoạt cho các Doanh nghiệp xã hội**

Nhiều năm trở lại đây, chúng ta chứng kiến hệ thống thể chế và khung khổ pháp luật hướng đến mục tiêu chuẩn hoá nhiều khía cạnh đa dạng như xã hội, lao động, y tế, giáo dục. Mặc dù

vậy, thực tế, vẫn tồn tại những trường hợp đặc biệt, như người khuyết tật và trẻ nhỏ có hoàn cảnh khó khăn thiếu sự hỗ trợ đúng mức. Nhiều Doanh nghiệp xã hội bày tỏ nguyện vọng thành lập Đơn vị là Trung tâm dạy nghề để đào tạo chúng chỉ đối với học viên, song do không đảm bảo đầy đủ tiêu chí theo quy định về cơ sở vật chất, điều kiện thiết bị đào tạo đáp ứng phục vụ học viên là người khuyết tật hoặc người có khiếm khuyết một số chức năng .. Hệ quả là tình trạng DNXH tiếp tục triển khai những chương trình đào tạo dưới hình thức được xem là "tự phát" hay "phi chính thức" vẫn xuất hiện. Như đã nêu trên, vì những tổ chức DNXH ấy chưa thoả mãn quy định để đạt được giấy phép hoạt động, học viên dù đã qua đào tạo nhưng vẫn gặp không ít trở ngại trong quá trình tìm kiếm cơ hội việc làm.

#### **4. Một số kiến nghị xây dựng hành lang pháp lý và chính sách hỗ trợ nhằm thúc đẩy, phát triển khởi nghiệp xã hội tại Việt Nam**

##### **4.1. Xây dựng hành lang pháp lý về DNXH**

###### *Về hệ thống văn bản quy phạm pháp luật*

Hiện nay mới chỉ có Luật Doanh nghiệp 2020 cùng một số điều của nghị định 96/2015 quy định về DNXH. Như vậy, trong tương lai, Việt Nam cần phải có đạo luật riêng biệt quy định về DNXH nhằm tạo sự thống nhất, kết nối để tạo thuận lợi cũng như khuyến khích thành lập và phát triển DNXH. Cụ thể cần có thêm những nghị định hướng dẫn cụ thể hơn về DNXH, đặc biệt là các quy định chi tiết hơn về tên gọi DNXH, vốn, trình tự thành lập doanh nghiệp, các chính sách của Nhà nước, thủ tục và các điều kiện chuyển đổi từ doanh nghiệp thông thường hoặc các tổ chức sang DNXH và ngược lại - khi không còn mục tiêu hoạt động vì cộng đồng, các cơ chế kiểm tra và giám sát hoạt động của DNXH, thủ tục phá sản... Ngoài ra, Việt Nam cũng cần có những quy định tạo mối liên hệ thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật để thực sự tạo hành lang pháp lý hoàn chỉnh và thuận tiện để phát triển các DNXH. Đó là mối liên hệ giữa luật doanh nghiệp, luật đầu tư, luật hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, luật các tổ chức tín dụng, v.v

###### *Về tiêu chí nhận diện DNXH*

Đối với tiêu chí “sử dụng ít nhất 51% tổng lợi nhuận hàng năm của doanh nghiệp để tái đầu tư nhằm thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường như đã đăng ký”, cần có quy định cụ thể hơn về việc lập báo cáo tài chính về nguồn gốc của mức 51% tổng lợi nhuận này, đồng thời cần tăng cường kiểm tra, giám sát của cơ quan, tổ chức về khoản trích lợi nhuận này. Cơ chế giám sát các nguồn tài chính ra vào doanh nghiệp, thủ tục thanh toán các hợp đồng... cũng cần được xem xét cẩn thận. Tuy nhiên, ở thời điểm hiện tại, các DNXH ở nước ta phải nộp báo cáo tài chính cho các cơ quan như cơ quan Thuế, cơ quan Thống kê, cơ quan Đăng ký kinh doanh nhưng các cơ quan trên chỉ mang nhiệm vụ thống kê chứ chưa có cơ quan cụ thể nào giám sát chặt chẽ hoạt động trích lợi nhuận này. Vì vậy, nhóm kiến nghị xây dựng một cơ quan thanh tra và giám sát riêng đối với các hoạt động của DNXH, cơ quan này chịu sự kiểm soát của nhà nước và sẽ liên kết với các cơ quan khác như cơ quan Thuế, cơ quan Thống kê để đưa ra những đánh giá chính xác nhất, đây cũng là đòn bẩy giúp DNXH dần được tách ra để trở thành một loại hình doanh nghiệp riêng.

###### *Về hình thức pháp lý của DNXH*

Loại hình DNXH theo như Luật Doanh nghiệp 2020 không phải là một loại hình doanh nghiệp đặc thù mà cũng giống như doanh nghiệp thông thường, DNXH có kết cấu và các hoạt động theo một trong bốn loại hình doanh nghiệp sau: doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, công ty TNHH, công ty cổ phần. Tuy nhiên, việc quy định như vậy chưa thực sự thúc đẩy quyền tự do kinh doanh và tự do chọn lựa mô hình kinh doanh của các doanh nhân xã hội đang hoạt động dưới nhiều quy mô và lĩnh vực kinh doanh khác nhau, hạn chế khả năng tiếp cận nhu cầu của các cộng đồng thiệt thòi, đối tượng hướng tới của DNXH. Vì vậy, pháp luật nên bổ sung các hình thức pháp lý, mô hình DNXH khác nhau, ví dụ như hợp tác xã, tổ chức từ thiện, v.v... Các tổ chức khác như trung tâm, quỹ vì cộng đồng muốn chuyển đổi sang mô hình DNXH cần có quy định cụ thể và trình tự về điều kiện chuyển đổi, thủ tục chuyển đổi nhanh gọn, tạo điều kiện cho DNXH phát triển, khuyến khích cá nhân, tổ chức thành lập, chuyển đổi sang DNXH. (Ngọc, 2018)

#### ***4.2. Quy định cụ thể về các ưu đãi và chính sách hỗ trợ dành cho DNXH***

Về chính sách hỗ trợ, Nhà nước nên tập trung đề ra các chính sách cụ thể cho DNXH, xoay quanh những vấn đề trọng tâm sau: đầu tư phát triển khởi nghiệp DNXH; đối với các doanh nghiệp xã hội đang tồn tại nên được có những ưu đãi về đầu tư, thuế, quỹ đất; hỗ trợ về nhân lực; phát triển quỹ tài chính hoặc nguồn tài chính để giúp cho doanh nghiệp xã hội phát triển.

Ngoài ra, Chính phủ cũng cần có kế hoạch thành lập một số cơ quan nhằm điều phối và trợ giúp DNXH. Các cơ quan này có những chức năng cơ bản như:

(i) Tham gia cùng chính phủ trong việc hoạch định các chính sách phát triển; cùng các cơ quan chính phủ soạn thảo các văn bản liên quan đến phát triển kinh tế xã hội và kinh phí hỗ trợ DNXH.

(ii) Đề xuất các giải pháp hỗ trợ DNXH phát triển: Hỗ trợ việc giải quyết một số thủ tục thành lập, chuyển đổi DNXH, sáp nhập, tách DNXH, nguồn nhân lực, vốn, quản lý nội bộ DNXH; hỗ trợ thông tin về thuế; tổ chức các chiến dịch quảng bá cho các DNXH; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến ý nghĩa của DNXH.

Về chính sách ưu đãi, Nhà nước cần có những văn bản hướng dẫn cụ thể. Nhà nước đã thể hiện rõ sẽ có những chính sách ưu đãi nhất định dành cho DNXH trong Luật Doanh nghiệp năm 2020. Những chính sách ưu đãi không nhất thiết cố định mà có thể thay đổi theo từng giai đoạn phát triển của doanh nghiệp xã hội và phụ thuộc vào tỷ lệ đóng góp của DNXH. Trong giai đoạn hiện nay, khi DNXH cần có những hỗ trợ về kinh tế để tạo nền tảng cho sự phát triển thì các chính sách ưu đãi về cơ sở vật chất, kỹ thuật công nghệ là điều quan trọng. Về ưu đãi tài chính, Nhà nước không nhất thiết phải xây dựng nhiều ưu đãi tài chính cho DNXH bởi DNXH có cạnh tranh thì mới phát triển bền vững. Bước đầu, chi phí thành lập doanh nghiệp xã hội, chi phí chuyển đổi thành doanh nghiệp xã hội (nếu có) có thể được miễn giảm. Khi doanh nghiệp xã hội phát triển đến mức nhất định thì Nhà nước sẽ căn cứ vào tỷ lệ đóng góp (giả sử tỉ lệ này lớn hơn 80%) để cho hưởng một số chính sách như miễn thuế thu nhập hoàn toàn cho doanh nghiệp, vay tín dụng với lãi suất ưu đãi... (Trần, 2015).

## Tài liệu tham khảo

- Borzaga, C. & Defourny, J. (2001), *The emergence of social enterprise*, London and New York: Routledge, <https://journals.sagepub.com/doi/abs/10.1177/0899764007305025>, truy cập ngày 25/10/2022.
- CIEM phối hợp cùng CSIP, trong khuôn khổ dự án tài trợ bởi Hội đồng Anh (2012), “Doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam - khái niệm, bối cảnh và chính sách”, <https://www.britishcouncil.vn/sites/default/files/dnxh-tai-viet-nam-khai-niem-boi-can-h-chinh-sach.pdf>, truy cập ngày 25/10/2022.
- CSIP phối hợp với InvestConsults và MSD (2010), “Cẩm nang pháp lý cho Doanh nhân và Doanh nghiệp xã hội”, <http://doanhnhanhaxahoi.org/document/cam-nang-phap-ly-dnxh-2010.pdf>, truy cập ngày 25/10/2022.
- Dees, J. G. (1998), “The meaning of social entrepreneurship”, [https://centers.fuqua.duke.edu/case/wp-content/uploads/sites/7/2015/03/Article\\_Deess\\_MeaningofSocialEntrepreneurship\\_2001.pdf](https://centers.fuqua.duke.edu/case/wp-content/uploads/sites/7/2015/03/Article_Deess_MeaningofSocialEntrepreneurship_2001.pdf), truy cập ngày 25/10/2022.
- Hồng, Đ. (2021), “Doanh nghiệp xã hội trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam: Thời cơ và thách thức (tiếp theo và hết)”, *Báo Việt Nam Thịnh Vượng*, <http://www.thinhvuongvietnam.com/Content/doanh-nghiep-xa-hoi-trong-nen-kinh-te-thi-truong-o-viet-nam-thoi-co-va-thach-thuc-65322>, truy cập ngày 25/10/2022.
- Jam, V. (2015), “Doanh nghiệp xã hội phi lợi nhuận, không vì lợi nhuận và có lợi nhuận”, *Jamviet.com*, <https://www.jamviet.com/doanh-nghiep-xa-hoi-phi-loi-nhuan-khong-vi-loi-nhuan-va-co-loi-nhuan.html>, truy cập ngày 24/10/2022.
- M.N. (2020), “Đẩy mạnh hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp xã hội”, *Tạp Chí Khoa Học Và Công Nghệ Việt Nam*, <https://vjst.vn/vn/tin-tuc/3643/day-manh-ho-tro-phat-trien-doanh-nghiep-khoi-nghiep-xa-hoi.aspx>, truy cập ngày 24/10/2022.
- McKinnon, S. (2011), “What does it mean to start a social enterprise?”, <https://policycommons.net/artifacts/1197118/what-does-it-mean-to-start-a-social-enterprise/1750244/>, truy cập ngày 25/10/2022.
- Nguyễn, A. T. (2020), “Doanh nghiệp xã hội theo pháp luật Việt Nam: trường hợp của doanh nghiệp xã hội Koto”, [https://repository.vnu.edu.vn/handle/VNU\\_123/95100](https://repository.vnu.edu.vn/handle/VNU_123/95100), truy cập ngày 25/10/2022.
- Nguyễn, B. N. (2018), *Doanh nghiệp xã hội theo pháp luật Việt Nam hiện nay*, Luận văn tốt nghiệp, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, [https://repository.vnu.edu.vn/bitstream/VNU\\_123/95472/1/NguyenBichNgoc-L59-CLC.pdf](https://repository.vnu.edu.vn/bitstream/VNU_123/95472/1/NguyenBichNgoc-L59-CLC.pdf), truy cập ngày 25/10/2022.
- Tăng, T. T. H. (2020), *Hoạt động của doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp*, Luận văn thạc sĩ.

Trần, T. M. H. (2015), *Doanh nghiệp xã hội theo pháp luật Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, <https://www.slideshare.net/trongthuy3/luan-van-doanh-nghiep-xa-hoi-theo-phap-luat-viet-nam-hay>, truy cập ngày 25/10/2022.

Trương, T. N. T. (2021), “Doanh nghiệp xã hội: Khởi nghiệp, quản trị và tăng trưởng”.